TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-PT
Ngày 25/01/2018
V/v *" Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực Thuế đất đai"*

NHÂN DANH
NƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Vui

Ông Huỳnh Ngọc Thiện

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành L3 - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phú thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2017/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2017 về khởi kiện các Quyết định trong lĩnh vực thuế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐ-ST ngày 10/01/2018, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2018/QĐ-ST ngày 25/01/2018, giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện***: Bà Nguyễn Thị Ư;

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Thành L (văn bản ủy quyền ngày 24-03-2016) và ông Phùng Nguyễn L1 (văn bản ủy quyền ngày 22-06-2016); Cùng địa chỉ: Phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (ông L vắng mặt, ông L1 có mặt).

2. Người bị kiện: Chi cục Thuế thành phố (TP) B và Chi cục Trưởng Chi cục Thuế , thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Địa chỉ trụ sở: Phường P, , thành phố B, tỉnh BR-VT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thành L2 - Chi cục Trưởng Chi cục Thuế , thành phố B, tỉnh BR-VT .

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Dương Quang K – Chức vụ: Phó Chi cục Trưởng Chi cục Thuế , thành phố B, tỉnh BR-VT (Văn bản ủy quyền 04/01/2018), có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh BR-VT

Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường B, phường P, TP B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Chủ tịch UBND TP B, tỉnh BR-VT, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP B là ông Trần Vinh Q - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND TP B (văn bản ủy quyền ngày 11-08-2016), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND TP B:

- Ông Trần Hữu N - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường TP B, tỉnh BR-VT, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP B, tỉnh BR-VT, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B;

Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường B, phường P, TP B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu L3 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B: Ông Nguyễn Ngọc T- Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B (văn bản ủy quyền ngày 04-05-2017), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo Bà Nguyễn Thị Ư

Người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo: Ông Phùng Nguyễn L1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/05/2011, Ủy ban nhân dân (UBND) TP B ban hành Quyết định số 1666/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Ư để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Công viên 30/4, phường L, TP B, đất bị thu hồi là 2.200,8m^2 trong đó có 100m^2 đất ở, đường loại 3, vị trí 4 (hệ số 0,7) với số tiền là 485.100đ/m^2 được tính theo Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17-12-2010 của UBND tỉnh B (Quyết định số 56) ; bà Ư được bố trí tái định cư theo biên bản bốc thăm ngày 01-11-2011 lô số 33, 34 và ngày 02-11-2011 lô số 29 tại khu tái định cư công viên 30-4, phường L, TP B.

Ngày 28-10-2015 UBND TP B ban hành các quyết định:

Quyết định số 2632/QĐ-UBND về việc giao lô đất số 34 khu N5, diện tích 96m^2 đất ở thuộc thửa 648, tờ bản đồ số 21 phường L;

Quyết định số: 2698/QĐ-UBND về việc giao lô đất số 33 khu N5, diện tích 96m^2 đất ở thuộc thửa 649, tờ bản đồ số 21 phường L;

Quyết định 2834/QĐ-UBND về việc giao lô đất số 29 khu N5, diện tích 96,1m^2 đất ở thuộc thửa 653, tờ bản đồ số 21 thuộc diện tái định cư tại khu tái định cư Công Viên 30/4, phường L.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B có ký 03 phiếu chuyển không ghi ngày tháng năm, nhưng có ghi ngày cán bộ nhận hồ sơ, quyền số 01, số thứ tự 101, 102 và 103 ngày 07-12-2015 cho Chi Cục Thuế TP B và Chi cục thuế đã ban hành các thông báo:

- Thông báo 0757/TB-TSDĐ ngày 10-12-2015 thông báo nộp tiền sử dụng đất số tiền phải nộp: 96m^2 x (1.980.000 đ x 1,2) = 228.096.000 đồng (giao đất ở).

- Thông báo 761/TB-TSDĐ ngày 10-12-2015 thông báo nộp tiền sử dụng đất số tiền phải nộp: 96m^2 x (1.980.000 đ x 1,2) = 228.096.000 đồng (giao đất ở).

- Thông báo 0969/TB-TSDĐ ngày 19-12-2015 thông báo nộp tiền sử dụng đất số tiền phải nộp: 96,1m^2 x (1.980.000 đ x 1,2) = 228.333.000 đồng (tái định cư).

Bà Ư khiếu nại, ngày 18-02-2016 Chi Cục Trưởng Chi Cục Thuế TP B ban hành Quyết định số 850/QĐ-CCT giải quyết khiếu nại (lần đầu): Công nhận 1 phần nội dung khiếu nại tiền sử dụng đất của bà Ư. Hủy bỏ Thông báo 0969/TB-TSD ngày 19-12-2015 thông báo tiền sử dụng đất và Thông báo số 0969/TB-LPTB ngày 19-12-2015 thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất của Chi cục thuế TP B.

Bà Ư khởi kiện tại Tòa và đề nghị Tòa giải quyết:

Hủy Quyết định số 850/QĐ-CCT ngày 18-02-2016 của Chi Cục Trưởng Chi Cục Thuế TP B (*Quyết định số 850*).

Hủy thông báo số: 71703.2015.0000758/TB-LPTB ngày 10-12-2015 thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số: 71703.2015.0000757/TB-TSDĐ ngày 10-12-2015 thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi Cục Thuế TP B, (*thông báo số 758*);

Hủy bỏ thông báo số: 71703.2015.0000761/TB-LPTB ngày 10-12-2015 thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số: 71703.2015.0000761/TB-TSDĐ ngày 10-12-2015 thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi Cục Thuế TP B (*thông báo số 761*);

Hủy bỏ thông báo số: 71703.2015.0000969/TB-LPTB ngày 19-12-2015 thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số: 71703.2015.0000969/TB-TSDĐ ngày 19-12-2015 thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi Cục Thuế TP B, (*thông báo số 969*);

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-03-2016, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 22-06-2016 và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:

Căn cứ pháp luật để khởi kiện về tính tiền sử dụng đất:

Bà Ư được giao đất từ ngày 01 và 02-11-2011 thì phải tính tiền sử dụng đất của hộ bà Ư vào thời điểm giá đất của năm 2011, nhưng Chi cục thuế TP B lại tính tiền sử dụng đất với hộ bà Ư vào thời điểm giá đất năm 2015 là sai với quy định. Được căn cứ vào các quy định pháp luật tại:

- Khoản 2 và 3, điều 5, Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01-04-2010 của UBND tỉnh B .

- Điều 2, Quyết định số:46/2013/QĐ-UBND ngày 02-12-2013 của UBND tỉnh B về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh B.

- Khoản 1, Điều 2, Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30-12-2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

"a*) Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp thời điểm bàn giao đất không đúng với thời điểm ghi trong quyết định giao đất thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm bàn giao đất thực tế."*

Chi nhánh VPĐKQSD đất TP B lập phiếu cung cấp thông tin địa chính số 101, 102 và 103 là căn cứ vào Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19-12-2014 của UBND tỉnh B ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01-01-2015 – 31-12-2019) (*Quyết định số 65*) là không đúng, phải căn cứ vào Quyết định số 56 của UBND tỉnh B về Bảng giá các loại đất năm 2011 thì các lô đất trên thuộc vị trí 3, đường phố loại IV, giá đất là 485.100đ/m^2 được căn cứ vào điểm b.3, b.2, b1, a khoản 1 Điều 3 và điểm b khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 56, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ư.

[2] Quá trình tham gia tố tụng người bị kiện trình bày:

Căn cứ phiếu chuyển của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B, Chi cục thuế TP B đã ban hành các Thông báo trên cho bà Ư. Chi Cục Trưởng Chi Cục Thuế TP B ban hành Quyết định số 850/QĐ-CCT giải quyết khiếu nại (lần đầu) công nhận 1 phần nội dung khiếu nại tiền sử dụng đất của bà Ư. Hủy bỏ Thông báo 0969/TB-TSD ngày 19-12-2015 thu tiền sử dụng đất và Thông báo số 0969/TB-LPTB ngày 19-12-2015 nộp lệ phí trước bạ nhà, đất của Chi cục thuế TP B.

Về các căn cứ pháp lý :

Căn cứ khoản 9 Điều 32 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 (*Quyết định số 52*) và Quyết định số 56 của UBND tỉnh B ban hành bảng giá các loại đất năm 2011:

1. Lô đất số 29 thuộc diện tái định cư có vị trí 1, đường loại 4, giá đất tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là:

Tiền sử dụng đất phải nộp: 96,1m^2 x 1.980.000đ = 190.278.000đ.

Lệ phí trước bạ phải nộp: 96,1m^2 x 1.980.000đ x 0,5% = 951.000đ.

Chi cục Thuế TP B đã ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất nhưng lô đất này được giao theo quy định nên bà Ư được nộp thuế tính tại thời điểm phê duyệt kinh phí bồi thường nên đã được xác định lại.

Tại Điều 108 của Luật đất đai quy định "*…3 Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất*".

Căn cứ quy định tại khoản 2, giá thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp không thuộc diện được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư và Điều 30 của Quyết định số: 52 của UBND tỉnh B quy định "*Giá đất để tính thu tiền sử dụng đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá các loại đất của UBND tỉnh tại thời điểm có quyết định giao đất nhân hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định giao đất"*.

Theo quy định tại Quyết định số: 31/2015/QĐ-UBND ngày 03-08-2015 của UBND tỉnh B thì các lô đất của hộ bà Ư có hệ số điều chỉnh giá đất là 1.20, do đó lô đất số 33 và 34 được xác định là giao đất ở ngoài quy định thì việc tính tiền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định giao đất. Đất có vị trí 1, đường loại 4, giá tính tiền sử dụng đất là 1.980.000đ x với hệ số điều chỉnh giá đất theo quyết định số: 31/2015/QĐ-UBND ngày 03-08-2015 của UBND tỉnh. Căn cứ vào các quy định trên Chi cục Thuế TP B đã ban hành các thông báo nộp tiền cho các lô đất cho hộ bà Ư.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính của bà Ư, Chi cục Thuế TP B đã xác định tính và ban hành thông báo nghĩa vụ tài chính, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu cho bà Ư là đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Ư.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

[3.1] Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B trình bày:

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B lập phiếu chuyển cho Chi cục Thuế TP B để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của bà Ư đối với 03 thửa đất số 649/96,0m^2, 653/96,1m^2, 648/96,0m^2 tờ bản đồ số 21 phường L. Theo đó, loại đường, vị trí theo hiện trạng thửa đất tại thời điểm ban hành quyết định giao đất. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B căn cứ vào Điều 2 của các Quyết định

giao đất và sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/500 khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai TP đo vẽ kèm theo để làm căn cứ lập các Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

Tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 56 quy định: "Vị trí đất được xác định theo bản đồ địa chính, sơ đồ vị trí đã lập và sử dụng tại địa phương".

Tại thời điểm năm 2011 chưa có các thửa 648, 649 và 653 tờ bản đồ số 21 phường L nên không thể xác định được vị trí của các thửa đất nói trên. Căn cứ vào sơ đồ vị trí kèm theo các quyết định giao đất thì 03 thửa đất nói trên có vị trí 1, đường D7 thuộc đường loại 4, nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập các phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với các thửa đất 648, 649 và 653 tờ bản đồ số 21 phường L, TP B. Về việc tính giá đất để tính tiền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị Ư theo Quyết định số 56 của UBND tỉnh B là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ư, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B đề nghị Tòa án xét xử theo thẩm quyền.

[3.2] *Uỷ ban nhân dân thành phố B trình bày:*

Bà Ư thuộc diện giải tỏa công trình hạ tầng kỹ thuật, khu tái định cư Công viên 30/4, phường L với diện tích giải tỏa 2.200,8m^2. Bà Ư đã được giao 3 lô đất tại khu tái định cư Công viên 30/4 phường L, TP B, trong đó 2 lô đất ở ngoài quy định.

Ngày 07-12-2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B chuyển đến Chi cục Thuế TP B phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích 96,0m^2/648; 96,0m^2/649; 96,1m^2/653, tờ bản đồ 21, phường L.

Căn cứ theo quy định tại khoản b.3 Điều 3 của Quyết định số 65 của UBND tỉnh B về bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01-01-2014 – 31-12-2019) trên địa bàn tỉnh B về quy định xác định vị trí của đất phi nông nghiệp tại đô thị như sau: " Vị trí 1: áp dụng cho những thửa đất nằm ở mặt tiền đường phố chính có chiều sâu tối đa 50m tính từ lộ giới hợp pháp, trường hợp chưa có lộ giới thì được tính từ ranh giới mặt tiền hợp pháp trở vào". Các thửa đất của bà Ư được UBND TP B giao nằm trên tuyến đường có tên D7, thuộc đường loại 4 được quy định tại phụ lục danh mục đường trên địa bàn TP B kèm theo Quyết định số 65 của UBND tỉnh B. Do đó, tại mục II/2.1 của các phiếu chuyển thông tin địa chính, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đã xác định thông tin về đất của các thửa đất trên đều có Vị trí 1 của đường D7/ĐL4 đúng theo quy định tại Quyết định số 65 của UBND tỉnh B .

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 03/10/2017 của Tòa án nhân dân TP Bà Rịa đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Điều 5, khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ư yêu cầu hủy bỏ:

- Quyết định số 850/QĐ-CCT ngày 18-02-2016 của Chi Cục Trưởng Chi Cục Thuế TP B, tỉnh B.

- Thông báo số 758/TB-LPTB thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số 757/TB-TSDĐ thông báo nộp tiền sử dụng đất cùng ngày 10-12-2015 của Chi Cục Thuế TP B, tỉnh B.

Thông báo số 761 thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số 761 thông báo nộp tiền sử dụng đất cùng ngày 10-12-2015 của Chi Cục Thuế TP B, tỉnh B . Thông báo số 969/TB-LPTB thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số 969/TB-TSDĐ thông báo nộp tiền sử dụng đất cùng ngày 19-12-2015 của Chi Cục Thuế TP B, tỉnh B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/10/2017 bà Ư kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo:

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Ư, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ư trong thời hạn và đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người khởi kiện, người bị kiện vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự hai lần. Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định là đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

[3.1] Ngày 30/05/2011, UBND TP B ban hành Quyết định số 1666/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Ư để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Công viên 30/4, phường L, TP B theo diện tích đất bị thu hồi là 2.200,8m^2 trong đó có 100m^2 đất ở đường loại 3, vị trí 4 (hệ số 0,7) với số tiền là 485.100đ/m^2, được tính theo Quyết định số 56 của UBND tỉnh B, bà Ư được bố trí tái định cư theo biên bản bốc thăm ngày 01-11-2011 lô số 33, 34 và ngày 02-11-2011 lô số 29 tại khu tái định cư công viên 30-4, phường L, TP B.

Ngày 28/10/2015 UBND TP B mới ban hành Quyết định số 2834 và Quyết định số 2632 và Quyết định số 2698 về việc giao cho bà Ư lô số 29, số 33 và 34 tại khu tái định cư Công viên đường 30/4, phường L, TP B cả 03 lô đều ở vị trí 1, đường loại 4 (đường D7) là đúng theo hiện trạng thửa đất.

Người khởi kiện cho rằng phải tính vị trí 4 và 5 đường loại 3 là không có căn cứ, bởi vì tại thời điểm năm 2011 trên thực tế không có các lô đất trên thực tế và không có cơ sở hạ tầng hoàn thiện.

[3.2] Người khởi kiện cho rằng bà Ư được bốc thăm vào ngày 02/11/2011 do đó phải áp dụng luật đất đai năm 2003 để tính tiền sử dụng đất là không đúng bởi vì đến ngày 28/10/2015 bà Ư mới nhận được quyết định giao đất, nên ngày 10/12/2015 khi Chi cục thuế TP B ra thông báo thuế thì bà Ư vẫn chưa tạm ứng tiền sử dụng đất nên theo Điều 210 Luật đất đai năm 2013 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau "*Đối với trường hợp được giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà người sử dụng đất chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ*".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định *"Trường hợp chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra thông báo nộp tiền sử dụng đất và hộ gia đình, cá nhân chưa nộp hoặc đã nộp một phần tiền sử dụng đất thì tiền sử dụng đất đã tạm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có) được quy đổi ra diện tích đất đã nộp tiền sử dụng đất (đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính) tại thời điểm có quyết định giao đất. Phần diện tích đất còn lại phải nộp tiền sử dụng đất theo chính sách và giá đất tại thời điểm có quyết định giao đất và xử lý việc chậm nộp tiền sử dụng đất đối với trường hợp này như sau"*.

Như vậy Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B lập phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của bà Ư đối với 03 thửa 649/96,0m^2; 653/96,1m^2; 648/96,0m^2 tờ bản đồ số

21 phường L theo vị trí 1 đường loại 4 nên Thông báo số 758 nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số 757 ngày nộp tiền sử dụng đất của Chi Cục Thuế TP B; Thông báo số 761 thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số 761 nộp tiền sử dụng đất của Chi Cục Thuế TP B yêu cầu bà Ư nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, giá thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp không thuộc diện được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư và Điều 30 của Quyết định số: 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của UBND tỉnh B quy định "*Giá đất để tính thu tiền sử dụng đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá các loại đất của UBND tỉnh tại thời điểm có quyết định giao đất nhân hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định giao đất"*.

Theo quy định tại Quyết định số: 31/2015/QĐ-UBND ngày 03-08-2015 của UBND tỉnh B thì các lô đất của hộ bà Ư có hệ số điều chỉnh giá đất là 1.20, do đó lô đất số 33 và 34 được xác định là giao đất ở ngoài quy định thì việc tính tiền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định giao đất.

Theo bảng giá các loại đất quy định trên địa bàn tỉnh B thì lô đất số 33 và 34 được giao đất thuộc diện giao đất ở ngoài quy định có vị trí 1, đường loại 4, giá tính tiền sử dụng đất là 1.980.000đ x với hệ số điều chỉnh giá đất theo quyết định số: 31/2015/QĐ-UBND ngày 03-08-2015 của UBND tỉnh. Căn cứ vào các quy định trên Chi cục Thuế TP B đã ban hành các thông báo nộp tiền cho các lô đất cho hộ bà Ư là đúng.

[3.3] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17-12-2010 và điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B ban hành bảng giá các loại đất trên địa tỉnh B thì giá đất vị trí 1 đường loại 4 tại thành phố B đều có cùng một mức giá là 1.980.000đ/m^2 do đó tính giá Lô đất số 29 thuộc diện tái định cư có mức giá là 1.980.000đ/m^2 là đúng qui định tại khoản 2 và 3 Điều 5 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 và khoản 9 Điều 32 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 của UBND tỉnh B.

Chi cục trưởng Chi cục thuế TP B ban hành Quyết định số 850 có nội dung công nhận 01 phần nội dung khiếu nại tiền sử dụng đất của bà Ư. Hủy Thông báo số 969 nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số 969 thông báo nộp tiền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT nhận định Bản án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà Ư, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà Ư không có căn cứ, nên giữ nguyên nội dung quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HCST ngày 03/10/2017 của Tòa án nhân dân TP Bà Rịa.

[3.6] Về án phí hành chính: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Ư là người cao tuổi không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm do đó tính lại phần án phí hành chính sơ thẩm theo hướng bà Ư không phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm

Vì các lẽ trên. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 210 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17-12-2010, điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, khoản 2 và 3 Điều 5 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 và khoản 9 Điều 32 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31-10-2014 cùng của Uỷ ban nhân dân tỉnh B; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ư. Giữ nguyên nội dung quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 03/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa như sau:

Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ư yêu cầu hủy các Quyết định và Thông báo sau đây:

- Quyết định số 850/QĐ-CCT ngày 18-02-2016 của Chi cục trưởng chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Thông báo số: 71703.2015.0000758/TB-LPTB ngày 10-12-2015 về nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số: 71703.2015.0000757/TB-TSDĐ ngày 10-12-2015 về nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố B.

- Thông báo số: 71703.2015.0000761/TB-LPTB ngày 10-12-2015 về nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số: 71703.2015.0000761/TB-TSDĐ ngày 10-12-2015 về nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố B.

- Thông báo số: 71703.2015.0000969/TB-LPTB ngày 19-12-2015 về nộp lệ phí trước bạ nhà, đất và thông báo số: 71703.2015.0000969/TB-TSDĐ ngày 19-12-2015 về nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố B.

2. Án phí hành chính:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ư không phải nộp, trả lại 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001814 ngày 28/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ư không phải nộp, trả lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009208 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tố tụng hành chính.

Bản án có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án 25/01/2018.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- TAND TP. B;
- VKS ND TP B;
- Chi cục THADSTP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA

Đã ký

Đào Đức Thiện